NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM
HỌC VIỆN NGÂN HÀNG

Số: 2030/QĐ-HVNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Thông tin tuyển sinh đại học chính quy năm 2026

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN NGÂN HÀNG

Căn cứ Thông tư 06/2026/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 2 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành giáo dục mầm non;

Căn cứ Quyết định số 2394/QĐ-NHNN ngày 20 tháng 12 năm 2023 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Học viện Ngân hàng;

Căn cứ Nghị quyết số 05/NQ-HĐHV ngày 31 tháng 3 năm 2022 của Hội đồng Học viện Ngân hàng về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Học viện Ngân hàng; Nghị quyết số 51/NQ-HĐHV ngày 07 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng Học viện Ngân hàng về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy

chế Tổ chức và hoạt động của Học viện Ngân hàng ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/NQ-HĐHV ngày 31 tháng 3 năm 2022 của Hội đồng Học viện Ngân hàng;

Căn cứ Quyết định số 1593/QĐ-HVNH ngày 16 tháng 3 năm 2026 của Giám đốc Học viện Ngân hàng về việc ban hành Quy chế tuyển sinh các ngành đào tạo trình độ đại học tại Học viện Ngân hàng;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành bản Thông tin tuyển sinh đại học chính quy năm 2026 của Học viện Ngân hàng – Phân viện Phú Yên (mã trường NHP)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng phòng Đào tạo, Trưởng các đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Bí thư Đảng ủy (để b/c);
- Ban Giám đốc (để c/đ);
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, ĐT.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

HỌC VIỆN NGÂN HÀNG

Phạm Thị Hoàng Anh

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM
HỌC VIỆN NGÂN HÀNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TIN TUYỂN SINH NĂM 2026

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2030/QĐ-HVNH ngày 31/3/2026
của Giám đốc Học viện Ngân hàng)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở đào tạo: Học viện Ngân hàng – Phân viện Phú Yên
2. Mã trường sử dụng để tuyển sinh: **NHP**
3. Địa chỉ Trụ sở và các Phân viện:

TT	Loại trường	Tên trường	Mã trường	Địa điểm
1	Trụ sở chính	Học viện Ngân hàng	NHH	Số 12 đường Chùa Bộc, phường Kim Liên, Thành phố Hà Nội.
2	Phân viện	Học viện Ngân hàng - Phân viện Bắc Ninh	NHB	Số 331 đường Ngô Gia Tự, phường Kinh Bắc, tỉnh Bắc Ninh.
3	Phân viện	Học viện Ngân hàng - Phân viện Phú Yên	NHP	Số 441 đường Nguyễn Huệ, phường Tuy Hòa, tỉnh Đắk Lắk.

4. Địa chỉ trang thông tin điện tử của Nhà trường: https://bap.edu.vn/
5. Số điện thoại liên hệ tuyển sinh: 0774.438.438
6. Địa chỉ công khai quy chế tuyển sinh; đề án, quy chế thi tuyển sinh:

https://bap.edu.vn/

7. Địa chỉ công khai các thông tin về hoạt động của Học viện Ngân hàng – Phân viện Phú Yên: https://bap.edu.vn/

II. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

1. Đối tượng, điều kiện dự tuyển:

Học viện Ngân hàng – Phân viện Phú Yên (NHP) tuyển sinh các đối tượng đáp ứng quy định theo Quy chế tuyển sinh của Học viện ban hành kèm theo Quyết định số 1593/QĐ-HVNH ngày 16/03/2026 của Giám đốc Học viện Ngân hàng (sau đây gọi tắt là Quy chế tuyển sinh), cụ thể:

- Người đã được công nhận tốt nghiệp THPT, trung học nghề của Việt Nam hoặc của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương với THPT, trung học nghề của Việt Nam do các đơn vị chức năng xác định; hoặc người đã có bằng tốt nghiệp trung cấp ngành nghề thuộc cùng nhóm ngành dự tuyển và đã hoàn thành đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa cấp THPT theo quy định của pháp luật;

- Đạt ngưỡng đầu vào theo quy định đối với chương trình đào tạo đăng ký dự tuyển;

- Có đủ sức khoẻ để học tập theo quy định hiện hành;

- Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định của Học viện.

2. Mô tả phương thức tuyển sinh:

Nguyên tắc chung: Học viện Ngân hàng – Phân viện Phú Yên tổ chức xét tuyển vào đại học chính quy theo 04 phương thức xét tuyển (PTXT) được mô tả chi tiết như bên dưới. Điểm xét đối với từng phương thức xét tuyển (PTXT) được tính toán dựa trên dữ liệu đầu vào ứng với từng PTXT, và đều được cộng với Điểm ưu tiên và Điểm cộng, cụ thể:

Điểm xét theo PTXT (i) = Điểm theo dữ liệu đầu vào của PTXT (i) +
+ Điểm cộng + Điểm ưu tiên

Trong đó:

- Điểm theo dữ liệu đầu vào của PTXT (i): được tính theo các dữ liệu đầu vào tương ứng với các PTXT.

- Điểm ưu tiên: Bao gồm điểm ưu tiên theo khu vực, đối tượng căn cứ theo Quy chế tuyển sinh hiện hành.

- Điểm cộng: Bao gồm ***điểm thưởng, điểm xét thưởng và điểm khuyến khích***. Cụ thể:

Điểm thưởng: với nhóm thí sinh đạt giải trong cuộc thi chọn học sinh giỏi (HSG) quốc gia, trong đó giải Nhất được cộng 3,0 điểm, giải Nhì được cộng 2,5 điểm và giải Ba được cộng 2,0 điểm.

Điểm xét thưởng: với nhóm thí sinh đạt giải trong cuộc thi chọn HSG cấp tỉnh/thành phố, giải Khuyến khích HSG cấp quốc gia; thí sinh thuộc trường THPT chuyên và thí sinh có kết quả xuất sắc trong kỳ thi THPT 2026. Một thí sinh có thể thuộc nhiều nhóm đối tượng được cộng điểm xét thưởng, nhưng tổng điểm xét thưởng không

được vượt quá 1,5 điểm, cụ thể như sau:

Nhóm thí sinh	Điểm xét thưởng
Thí sinh đạt Giải khuyến khích HSG cấp quốc gia; Giải nhất HSG cấp tỉnh/thành phố; Thí sinh đạt điểm tuyệt đối tại một môn trong kỳ thi THPT 2026	1,5
Thí sinh đạt Giải nhì HSG cấp tỉnh/thành phố; Thí sinh đạt điểm từ 9.5 trở lên tại một môn thuộc tổ hợp của ngành đăng ký xét tuyển trong kỳ thi THPT 2026	1,0
Thí sinh đạt Giải ba HSG cấp tỉnh/thành phố; Thí sinh thuộc trường THPT chuyên; Thí sinh đạt điểm từ 9.0 trở lên tại một môn thuộc tổ hợp của ngành đăng ký xét tuyển trong kỳ thi THPT 2026	0,5

Lưu ý: Học viện chỉ cộng điểm xét thưởng với các thí sinh đạt giải trong cuộc thi chọn HSG cấp tỉnh/thành phố tại các môn: Toán, Vật lý, Hoá học, Tiếng Anh, Ngữ Văn, Lịch sử, Địa lý, Tin học.

Điểm khuyến khích: với nhóm thí sinh có các chứng chỉ quốc tế. Một thí sinh có thể thuộc nhiều nhóm đối tượng được cộng điểm khuyến khích, nhưng tổng điểm khuyến khích không được vượt quá 1,5 điểm, cụ thể như sau:

Chứng chỉ quốc tế							**Điểm khuyến khích**
IELTS (Academic)	TOEFL iBT		SAT	ACT	JLPT	PEARSON HNC/HND LEVEL 4	
	Thang điểm 120	Thang điểm 6					
5.5	46-59	3.5	1200-1250	26-27	N5		0,5
6.0	60-78	4	1251-1300	28-29	N4		0,75
6.5	79-93	4.5	1301-1350	30-31	N3	Pass	1,0
7.0	94-101	5	1351-1400	32	N2	Merit	1,25
7.5 – 9.0	> 101	5.5-6	> 1400	> 32	N1	Distinction	1,5

Lưu ý: Chứng chỉ quốc tế phải còn thời hạn tại thời điểm nộp hồ sơ xét tuyển.

2.1 Phương thức xét tuyển 1 (PTXT 1): Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển:

Học viện Ngân hàng – Phân viện Phú Yên xét tuyển thẳng vào các ngành đào tạo trình độ đại học hệ chính quy các đối tượng quy định tại Quy chế tuyển sinh hiện hành.

Điều kiện nộp hồ sơ xét tuyển:

a) Thí sinh đạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, quốc tế; thời gian đạt giải không quá 03 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng.

b) Thí sinh đạt giải nhất, nhì, ba kỳ thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, quốc tế do Bộ GDĐT tổ chức, cử tham gia và đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào của chương trình đào tạo. Thời gian đạt giải không quá 03 năm tính tới thời điểm nếu được xét tuyển thẳng.

c) Căn cứ kết quả học tập cấp THPT của thí sinh và yêu cầu đầu vào của chương trình đào tạo, Giám đốc xem xét, quyết định nhận vào học những trường hợp quy định dưới đây (trường hợp cần thiết kèm theo điều kiện thí sinh phải học 01 năm bổ sung kiến thức trước khi vào học chính thức):

- Thí sinh là người nước ngoài đã đạt chuẩn năng lực ngôn ngữ theo yêu cầu của chương trình đào tạo phù hợp với quy định của Bộ GDĐT;

- Thí sinh là người Việt Nam học tập cấp THPT, trung học nghề ở nước ngoài hoặc học tập chương trình giáo dục nước ngoài bằng tiếng nước ngoài ở Việt Nam đạt trình độ tương đương với trình độ THPT, trung học nghề của Việt Nam và đạt chuẩn năng lực ngôn ngữ theo yêu cầu của chương trình đào tạo phù hợp với quy định của Bộ GDĐT;

- Thí sinh là người dân tộc thiểu số rất ít người theo quy định hiện hành của Chính phủ;

- Thí sinh là người khuyết tật nặng có giấy xác nhận khuyết tật của cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định; có khả năng theo học một số chương trình đào tạo do Học viện quy định nhưng không có khả năng dự tuyển theo phương thức tuyển sinh bình thường.

2.2 Phương thức xét tuyển 2 (PTXT 2): Xét tuyển kết hợp:

Phương thức này kết hợp giữa kết quả học tập THPT với các chứng chỉ quốc tế và kết quả bài thi đánh giá năng lực, cụ thể:

2.2.1 Phương thức xét tuyển 2.1 (PTXT 2.1): Kết hợp giữa học bạ THPT với chứng chỉ quốc tế.

a) Đối tượng xét tuyển: Thí sinh có một trong các chứng chỉ quốc tế (CCQT) dưới đây:

- Chứng chỉ IELTS (Academic) từ 5.5 điểm trở lên.
- Chứng chỉ TOEFL iBT từ 46 điểm trở lên.
- Chứng chỉ SAT từ 1200 điểm trở lên.
- Chứng chỉ ACT từ 26 điểm trở lên.

b) *Cách tính điểm xét*: Điểm xét được tính dựa trên kết quả học tập THPT của các môn học trong tổ hợp tương ứng với từng mã xét tuyển và điểm quy đổi của chứng chỉ ngoại ngữ, tính trên thang 30.

Lưu ý: Với PTXT 2.1, nếu thí sinh đã dùng CCQT để quy đổi thì sẽ không được tính điểm cộng khuyến khích với CCQT đó. Riêng với chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế, thí sinh chỉ có thể chọn lựa quy đổi điểm hoặc cộng điểm khuyến khích với một trong 2 chứng chỉ IELTS (Academic) hoặc TOEFL iBT, tuỳ theo chứng chỉ nào có kết quả tốt hơn.

*Điểm xét theo PTXT 2.1 = Điểm học bạ THPT * 50% + Điểm CCQT quy đổi * 50% + Điểm cộng + Điểm ưu tiên*

- *Điểm học bạ THPT*: Tính trên điểm tổ hợp của 03 môn học tương ứng với từng mã xét tuyển (lấy trung bình cộng trong ba năm học THPT), trong đó nhân đôi điểm đối

với môn chính và quy đổi về thang 30.

$$\textit{Điểm học bạ THPT} = \frac{(\text{Môn chính} \times 2 + \text{Môn 2} + \text{Môn 3}) \times 3}{4}$$

- *Điểm CCQT quy đổi:* Học viện sẽ công bố sau khi có phổ điểm thi THPT 2026.

2.2.2 Phương thức xét tuyển 2.2 (PTXT 2.2): Kết hợp giữa học bạ THPT với kết quả bài thi Đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia Hà Nội (HSA)

a) Đối tượng xét tuyển: Thí sinh có điểm bài thi HSA từ 70 điểm trở lên.

b) Cách tính điểm xét: Điểm xét được tính dựa trên kết quả học tập THPT của các môn học trong tổ hợp tương ứng với từng mã xét tuyển và điểm quy đổi của kết quả bài thi HSA, tính trên thang 30.

*Điểm xét theo PTXT 2.2 = Điểm học bạ THPT * 50% + Điểm HSA quy đổi * 50%*
+ Điểm cộng + Điểm ưu tiên

Cụ thể:

- *Điểm học bạ THPT*: được tính trên điểm học bạ của 03 môn học tương ứng với

các tổ hợp của mã xét tuyển (lấy trung bình cộng trong ba năm học THPT), trong đó nhân đôi điểm đối với môn chính và quy đổi về thang 30:

$$\textit{Điểm học bạ THPT} = \frac{(\text{Môn chính} \times 2 + \text{Môn 2} + \text{Môn 3}) \times 3}{4}$$

- *Điểm HSA quy đổi*: sẽ được Nhà trường công bố sau khi có phổ điểm HSA và phổ điểm thi THPT 2026.

2.2.3 Phương thức xét tuyển 2.3 (PTXT 2.3): Kết hợp giữa học bạ THPT với kết quả bài thi Đánh giá năng lực đầu vào đại học (V-SAT)

a) Đối tượng xét tuyển: Thí sinh có điểm bài thi V-SAT năm 2026 theo tổ hợp của chương trình đăng ký xét tuyển đạt từ 200 điểm trở lên.

b) Cách tính điểm xét: Điểm xét được tính dựa trên kết quả học tập THPT của các môn học trong tổ hợp tương ứng với từng mã xét tuyển và điểm quy đổi của kết quả bài thi V-SAT, tính trên thang 30.

*Điểm xét theo PTXT 2.3 = Điểm học bạ THPT * 50% + Điểm V-SAT quy đổi * 50% + Điểm cộng + Điểm ưu tiên*

Cụ thể:

- *Điểm học bạ THPT*: được tính trên điểm học bạ của 03 môn học tương ứng với các tổ hợp của mã xét tuyển (lấy trung bình cộng trong ba năm học THPT), trong đó nhân đôi điểm đối với môn chính và quy đổi về thang 30:

$$\textit{Điểm học bạ THPT} = \frac{(\text{Môn chính} \times 2 + \text{Môn 2} + \text{Môn 3}) \times 3}{4}$$

- *Điểm V-SAT quy đổi*: sẽ được Nhà trường công bố sau khi có phổ điểm V-SAT và phổ điểm thi THPT 2026.

2.3 Phương thức xét tuyển 3 (PTXT 3): Xét tuyển dựa trên kết quả học tập THPT (học bạ THPT)

a) Đối tượng xét tuyển: Thí sinh tốt nghiệp THPT.

b) Cách tính điểm xét: Điểm xét theo PTXT 3 được tính trên điểm học bạ THPT của 03 môn học tương ứng với các tổ hợp của mã xét tuyển (lấy trung bình cộng trong ba năm học THPT), trong đó nhân đôi điểm đối với môn chính và quy đổi về thang 30:

$$\textit{Điểm xét theo PTXT 3 (Điểm học bạ THPT)} = \frac{(\text{Môn chính} \times 2 + \text{Môn 2} + \text{Môn 3}) \times 3}{4} + \textit{Điểm cộng} + \textit{Điểm ưu tiên}$$

2.4 Phương thức xét tuyển 4 (PTXT4): Xét tuyển dựa trên kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2026

a) Đối tượng xét tuyển: Thí sinh có tổng điểm thi tốt nghiệp THPT 2026 của 03 môn trong tổ hợp của ngành đăng ký xét tuyển đạt ngưỡng bảo đảm chất lượng của Học viện.

b) Cách tính điểm xét: Điểm xét theo PTXT 4 được tính trên điểm thi tốt nghiệp THPT 2026 của 03 môn học tương ứng với các tổ hợp của ngành đăng ký xét tuyển,

trong đó nhân đôi điểm đối với môn chính và quy đổi về thang 30:

$$\textit{Điểm xét theo PTXT 4 (Điểm thi THPT 2026)} = \frac{(\text{Môn chính} \times 2 + \text{Môn 2} + \text{Môn 3}) \times 3}{4} + \textit{Điểm cộng} + \textit{Điểm ưu tiên}$$

Với thí sinh có CCQT có thể sử dụng để quy đổi thay thế điểm môn Tiếng Anh trong kỳ thi tốt nghiệp THPT 2026 theo bảng quy đổi dưới đây:

IELTS (Academic)	TOEFL iBT		Điểm quy đổi thay thế môn Tiếng Anh trong bài thi tốt nghiệp THPT 2026
	Đối với chứng chỉ theo thang điểm 120	Đối với chứng chỉ theo thang điểm 6	
5.5	46-59	3.5	8,5
6.0	60-78	4	9
6.5	79-93	4.5	9,5
7.0	94-101	5	9,75
7.5 – 9.0	> 101	5.5-6	10

Lưu ý: Chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế phải còn thời hạn tại thời điểm nộp hồ sơ xét tuyển.

3. Quy tắc quy đổi tương đương ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp, phương thức tuyển sinh:

3.1 Về ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào:

Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào được căn cứ theo các quy định trong Quy chế tuyển sinh hiện hành và các điều kiện cụ thể theo từng phương thức như sau:

- Đối với thí sinh thi tốt nghiệp năm 2026: Ngưỡng đảm bảo chất lượng là thí sinh có tổng điểm 03 môn thi kỳ thi tốt nghiệp THPT của một trong các tổ hợp của chương trình đăng ký xét tuyển (hoặc sử dụng điểm thi môn Toán, Ngữ văn và một môn thi khác) đạt tối thiểu 15,00 theo thang điểm 30 (điểm sàn là 15,00 điểm)

- Đối với thí sinh thi tốt nghiệp từ năm 2025 trở về trước:

+ Đối với PTXT 2: Ngưỡng đảm bảo chất lượng là điều kiện nộp hồ sơ xét tuyển tương ứng với từng phương thức xét tuyển.

+ Đối với PTXT 3: Thí sinh có tổng điểm học bạ THPT của 03 môn học tương ứng với các tổ hợp của mã xét tuyển (lấy trung bình cộng trong ba năm học THPT) từ 18,00 điểm trở lên.

3.2 Về quy tắc quy đổi tương đương:

- Học viện sử dụng PTXT 4 (Xét tuyển dựa trên kết quả thi tốt nghiệp THPT 2026) làm phương thức gốc; và sẽ công bố Quy tắc quy đổi tương đương ngưỡng đầu vào của PTXT 2, PTXT 3 về PTXT 4 (phương thức gốc) sau khi có kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2026 theo kế hoạch chung của Bộ GD&ĐT.

4. Số lượng tuyển sinh đại học chính quy:

TT	Trình độ đào tạo	Mã nhóm ngành/ ngành xét tuyển	Tên nhóm ngành/ ngành xét tuyển	Mã xét tuyển	Tên mã xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Tổ hợp xét tuyển 1		Tổ hợp xét tuyển 2		Tổ hợp xét tuyển 3		Tổ hợp xét tuyển 4	
							Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính
(1)	*(3)*	*(2)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*	*(14)*	*(15)*
1	Đại học	7340101	Quản trị kinh doanh	BUS02	Quản trị kinh doanh	40	A00	Toán	A01	Toán	D01	Toán	D07	Toán
2	Đại học	7340115	Marketing	BUS07	Marketing	40	A00	Toán	A01	Toán	D01	Toán	D07	Toán
3	Đại học	7340201	Tài chính – Ngân hàng	FIN02	Tài chính	40	A00	Toán	A01	Toán	D01	Toán	D07	Toán
4	Đại học	7340201	Tài chính – Ngân hàng	BANK02	Ngân hàng	80	A00	Toán	A01	Toán	D01	Toán	D07	Toán
5	Đại học	7340301	Kế toán	ACT02	Kế toán	40	A00	Toán	A01	Toán	D01	Toán	D07	Toán
	Tổng					**240**								